

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2022

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Giang
2. Bà Trần Thị Gấm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Trịnh Xuân Tùng - Cán bộ TAND huyện Như Thanh

Đại diện VKSND huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:

Ông: Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST- HNGĐ ngày 16/11/2021, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1992

Trú tại: Xóm Phú N, xã Nghĩa P, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Lê Đình S - Sinh năm 1990

Trú tại: Thôn Yên Tr, xã Yên T, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H, anh Lê Đình S vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/11/2021, bản tự khai ngày 16/11/2021 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H cho biết:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đình S tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên T, huyện Như Thanh vào ngày 01/6/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi người làm một nơi, không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc, hay xảy ra xung đột, cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh S đã sống ly thân kể từ tháng 07/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Đình S.

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là: Lê Phương T, sinh ngày 04/01/2021. Hiện cháu đang ở với chị H, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo và không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn anh Lê Đình S, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, anh S cũng có bản tự khai gửi Tòa án với nội dung: Anh đồng ý với ý kiến trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2021 của chị H. Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị H; Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về con chung và trách nhiệm nuôi con, theo đó, anh đồng ý giao cháu Phương Thảo cho chị H nuôi dưỡng, anh không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H ; Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài bản tự khai ra thì anh S có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các buổi hòa giải do điều kiện, tính chất công việc thường hay phải đi làm xa. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo qui định của pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xác minh ghi ý kiến của bố đẻ anh S là ông Lê Đình H, có xác nhận của ông Vũ Văn N – Bí thư thôn Yên Tr, xã Yên T ngày 13/5/2022 để xác định mâu thuẫn vợ chồng. Ông H cho biết: Anh S và chị H kết hôn hợp pháp tại UBND xã Yên T vào năm 2020, sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống không hợp, chưa tìm hiểu nhau kỹ thì đã chung sống với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 07/2020. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Lê Phương T, sinh ngày 04/01/2021 hiện đang ở với chị H; về tài sản và công nợ: anh S, chị H không đóng góp công sức để xây dựng khối tài sản chung trong gia đình, gia đình ông cũng không cho vay hoặc vay mượn gì từ anh, chị, đối với tài sản khác của anh S, chị H gia đình ông không biết. Nay anh, chị ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, việc vắng mặt tại phiên tòa của Nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt; Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 228; khoản 1 điều 227; điều 238 của Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn; Áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; điều 81; 82; 83 luật HN&GD chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn đối với bị đơn anh Lê Đình S; giao con chung của anh chị là cháu Lê Phương T, sinh ngày 04/01/2021 cho chị H nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Chị H phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn; đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lê Đình S các văn bản tố tụng của Tòa án; anh S đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Đình S.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình S tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Yên Thọ, huyện Như Thanh vào ngày 01/6/2020 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGD năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách hai người trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sự đồng cảm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Đình S.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/11/2021, bản tự khai ngày 16/11/2021; Văn bản ý kiến của bị đơn ngày

21/4/2022 do bị đơn cung cấp; Biên bản xác minh lấy ý kiến của bố đẻ anh S ngày 13/5/2022 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh S, chị H thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị H có đơn ly hôn HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị H đối với anh S.

[4] Về con chung: Chị H, anh S có 01 con chung là cháu Lê Phương T, sinh ngày 04/01/2021. Hiện cháu Thảo đang ở với chị H.

Xét nguyện vọng của chị H và anh S về trách nhiệm nuôi con HĐXX thấy rằng: Cháu Lê Phương T dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống cùng chị H. Hơn nữa, anh S hiện đang đi làm ăn xa, không có các điều kiện tốt nhất để nuôi dạy con nhỏ. Do vậy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: chị H, anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Đình S.

- **Về con chung:** Giao cho chị Lê Thị H có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Lê Phương T, sinh ngày 04/01/2021 đến tuổi thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh Lê Đình S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai thu số AA/2021/0003764 ngày 16/11/2021. (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án ./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Chi cục THADS h. Như Thanh
- VKSND huyện Như Thanh
- UBND xã Nghĩa Phú,
h. Nghĩa Đàn, Nghệ An.
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân